



## **Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future  
with confidence**

# Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28



# Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty”) được thành lập từ cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO - Đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) (nay là Tổng công ty IDICO - CTCP). Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3800407449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước (nay là Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai) cấp lần đầu ngày 12 tháng 2 năm 2008, và lần điều chỉnh gần nhất là lần 9 ngày 24 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“SGDCKHN”) với mã ISH theo Quyết định số 332/QĐ-SGDHN do SGDCKHN cấp ngày 8 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động trong năm của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; khai thác, xử lý và cung cấp nước và trồng cây cao su.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Thôn Long Bình 7, Xã Bình Tân, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Thịnh	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025
Ông Trương Thanh Bình	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên không điều hành	
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên không điều hành	miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên không điều hành	
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên không điều hành	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hữu Nghĩa	Trưởng ban
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Thanh Bình	Giám đốc
Ông Bùi Hải Nam	Phó Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Thanh Bình.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trương Thanh Bình  
Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2026





Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 13689358/68634290/FN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("Công ty") được lập ngày 13 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2026



Phạm Ninh Tùng  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 5631-2025-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>150.128.457.990</b>	<b>90.803.489.374</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>14.981.650.057</b>	<b>8.953.395.095</b>
111	1. Tiền		2.981.650.057	6.953.395.095
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.000.000.000	2.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>80.500.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	80.500.000.000	40.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>46.488.062.048</b>	<b>34.062.276.736</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	45.364.249.963	33.524.595.131
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		248.778.800	532.606.262
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		875.033.285	5.075.343
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>7.973.802.076</b>	<b>7.738.928.654</b>
141	1. Hàng tồn kho		7.973.802.076	7.738.928.654
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>184.943.809</b>	<b>48.888.889</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		65.824.889	48.888.889
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		119.118.920	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>498.486.443.330</b>	<b>542.469.859.725</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>336.494.629.883</b>	<b>375.221.797.003</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	334.378.104.094	373.014.641.940
222	Nguyên giá		1.073.352.898.021	1.085.194.581.628
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(738.974.793.927)	(712.179.939.688)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	2.116.525.789	2.207.155.063
228	Nguyên giá		5.016.214.087	4.941.214.087
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.899.688.298)	(2.734.059.024)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.602.020.202</b>	<b>1.467.020.202</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.602.020.202	1.467.020.202
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>160.389.793.245</b>	<b>165.781.042.520</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	160.060.984.791	165.224.242.371
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	328.808.454	556.800.149
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>648.614.901.320</b>	<b>633.273.349.099</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>60.990.271.913</b>	<b>37.776.123.420</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>60.990.271.913</b>	<b>37.776.123.420</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		212.452.051	157.019.656
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	13.503.519.515	11.162.634.947
314	3. Phải trả người lao động		3.430.549.864	1.201.000.000
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		173.537.180	758.800.349
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	6.137.605.969	5.474.213.879
320	6. Vay ngắn hạn	14	34.952.486.840	16.377.869.172
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	15	1.625.375.600	2.186.940.523
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	954.744.894	457.644.894
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>587.624.629.407</b>	<b>595.497.225.679</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16.1	<b>587.624.629.407</b>	<b>595.497.225.679</b>
411	1. Vốn cổ phần		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	450.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		137.624.629.407	145.497.225.679
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		53.377.225.679	69.303.727.790
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		84.247.403.728	76.193.497.889
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>648.614.901.320</b>	<b>633.273.349.099</b>

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Ngày 13 tháng 3 năm 2026

  
Trần Thị Mai  
Người lập

  
Vũ Thị Thúy  
Kế toán trưởng

  
  
Trương Thanh Bình  
Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	17.1	217.995.840.882	198.338.997.510
11	2. Giá vốn hàng bán	18	(96.840.108.607)	(91.785.166.251)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		121.155.732.275	106.553.831.259
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	2.863.444.541	972.608.964
22	5. Chi phí tài chính	19	(738.457.036)	(847.790.218)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(738.457.036)	(845.930.091)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(11.527.708.297)	(12.881.444.660)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		111.753.011.483	93.797.205.345
31	8. Thu nhập khác		513.423.804	581.184.182
32	9. Chi phí khác	21	(6.769.528.694)	-
40	10. (Lỗ) lợi nhuận khác		(6.256.104.890)	581.184.182
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		105.496.906.593	94.378.389.527
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(21.021.511.170)	(18.741.691.787)
52	13. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	23.3	(227.991.695)	556.800.149
60	14. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		84.247.403.728	76.193.497.889
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	16.5	1.803	1.646
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	16.5	1.803	1.646

Trần Thị Mai  
Người lập

Vũ Thị Thúy  
Kế toán trưởng

Trương Thanh Bình  
Giám đốc



Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Ngày 13 tháng 3 năm 2026



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>105.496.906.593</b>	<b>94.378.389.527</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8. 9	32.088.076.311	32.108.016.175
03	Các khoản dự phòng		(561.564.923)	(2.013.059.477)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	1.860.127
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư	19	3.860.012.558	(1.073.972.600)
06	Chi phí lãi vay		738.457.036	845.930.091
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>141.621.887.575</b>	<b>124.247.163.843</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(11.691.882.290)	28.955.398.547
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(234.873.422)	234.295.945
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		4.075.904.638	(559.264.239)
12	Giảm chi phí trả trước		5.163.257.580	5.163.257.580
14	Tiền lãi vay đã trả		(719.920.008)	(862.010.466)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	11	(20.318.891.787)	(19.754.995.423)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	13	(1.622.900.000)	(2.843.942.779)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>116.272.582.286</b>	<b>134.579.903.008</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(952.991.931)	-
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		583.000.000	111.500.000
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(96.000.000.000)	(40.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		55.500.000.000	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		1.991.196.939	983.879.158
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(38.878.794.992)</b>	<b>(38.904.620.842)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay nhận được	14	61.781.357.575	43.437.457.051
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	14	(43.206.739.907)	(58.210.192.345)
36	Cổ tức đã trả	16.4	(89.940.150.000)	(89.593.783.800)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(71.365.532.332)</b>	<b>(104.366.519.094)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>6.028.254.962</b>	<b>(8.691.236.928)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>8.953.395.095</b>	<b>17.646.492.150</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(1.860.127)
<b>70</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>14.981.650.057</b>	<b>8.953.395.095</b>

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Ngày 13 tháng 3 năm 2026

Trần Thị Mai  
Người lập

Vũ Thị Thúy  
Kế toán trưởng



Trương Thanh Bình  
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("Công ty") được thành lập từ cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO - Đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) (nay là Tổng công ty IDICO - CTCP). Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3800407449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước (nay là Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai) cấp lần đầu ngày 12 tháng 2 năm 2008, và lần điều chỉnh gần nhất là lần 9 ngày 24 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCKHN") với mã ISH theo Quyết định số 332/QĐ-SGDHN do SGDCKHN cấp ngày 8 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động trong năm của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; khai thác, xử lý và cung cấp nước và trồng cây cao su.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Thôn Long Bình 7, Xã Bình Tân, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 56 (31 tháng 12 năm 2024 là: 58).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**2.5 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối năm với giá trị được xác định như sau:

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế: chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được phân bổ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 25 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Cây lâu năm	20 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Khác	20 năm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

#### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí bỏ ra để có quyền sử dụng đất lòng hồ theo Quyết định giao đất của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai cho Công ty quản lý không thu tiền sử dụng đất với thời hạn phân bổ đến năm 2057.

#### 3.11 Các khoản đầu tư

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.15 Vốn cổ phần

##### Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

#### 3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động và phúc lợi xã hội, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

##### Cổ tức

Cổ tức công bố bằng tiền được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt về chủ trương và được Hội đồng Quản trị Công ty tiến hành thực hiện.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ vào các hợp đồng mua bán điện được Công ty ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

##### *Doanh thu bán nước sạch*

Doanh thu bán nước sạch được xác định dựa trên đơn giá tiền nước được thỏa thuận trong hợp đồng và theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Nai, cùng khối lượng nước tiêu thụ định kỳ.

##### *Doanh thu khác*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

##### *Doanh thu từ tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 3.18 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi

#### 3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	11.449.000	41.227.000
Tiền gửi ngân hàng	2.970.201.057	6.912.168.095
Các khoản tương đương tiền (*)	12.000.000.000	2.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.981.650.057</b>	<b>8.953.395.095</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất thị trường.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới một (1) năm và hưởng lãi suất thị trường.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Mua bán điện	44.456.003.789	32.722.823.800
Khác	908.246.174	801.771.331
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.364.249.963</b>	<b>33.524.595.131</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế	7.973.802.076	7.738.928.654



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Cây lâu năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	602.508.846.988	470.315.997.534	4.500.400.762	1.036.598.651	6.832.737.693	1.085.194.581.628
Mua mới	-	514.021.074	-	-	-	514.021.074
Thanh lý	(12.355.704.681)	-	-	-	-	(12.355.704.681)
Số cuối năm	590.153.142.307	470.830.018.608	4.500.400.762	1.036.598.651	6.832.737.693	1.073.352.898.021
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	5.261.892.647	99.582.063.572	4.176.977.262	750.669.287	-	109.771.602.768
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>						
Số đầu năm	(292.878.187.995)	(411.465.254.788)	(4.365.640.968)	(914.048.945)	(2.556.806.992)	(712.179.939.688)
Khấu hao trong năm	(16.548.871.104)	(14.900.193.842)	(53.903.916)	(63.233.551)	(356.244.624)	(31.922.447.037)
Thanh lý	5.127.592.798	-	-	-	-	5.127.592.798
Số cuối năm	(304.299.466.301)	(426.365.448.630)	(4.419.544.884)	(977.282.496)	(2.913.051.616)	(738.974.793.927)
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	309.630.658.993	58.850.742.746	134.759.794	122.549.706	4.275.930.701	373.014.641.940
Số cuối năm	285.853.676.006	44.464.569.978	80.855.878	59.316.155	3.919.686.077	334.378.104.094
<i>Trong đó:</i>						
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 14)</i>	3.178.364.907	32.592.606.048	-	-	-	35.770.970.955

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

				VND
	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	-	3.005.563.951	1.935.650.136	4.941.214.087
Mua thêm	75.000.000	-	-	75.000.000
Số cuối năm	75.000.000	3.005.563.951	1.935.650.136	5.016.214.087
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số đầu năm	-	(967.775.584)	(1.766.283.440)	(2.734.059.024)
Hao mòn trong năm	(8.736.558)	(60.111.756)	(96.780.960)	(165.629.274)
Số cuối năm	(8.736.558)	(1.027.887.340)	(1.863.064.400)	(2.899.688.298)
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	-	2.037.788.367	169.366.696	2.207.155.063
Số cuối năm	66.263.442	1.977.676.611	72.585.736	2.116.525.789

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Quyền sử dụng đất lòng hồ	160.060.984.791	165.224.242.371	

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.841.691.787	21.021.511.170	(20.318.891.787)	9.544.311.170
Thuế tài nguyên	1.139.869.055	27.582.067.120	(27.249.288.575)	1.472.647.600
Thuế giá trị gia tăng	1.013.462.955	16.056.917.430	(14.821.829.246)	2.248.551.139
Thuế thu nhập cá nhân	167.611.150	827.806.359	(965.638.803)	29.778.706
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	2.960.180.900	(2.751.950.000)	208.230.900
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.075.475.771	(2.075.475.771)	-
Khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.162.634.947</b>	<b>70.526.958.750</b>	<b>(68.186.074.182)</b>	<b>13.503.519.515</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	3.097.691.132	2.466.069.436
Cổ tức phải trả	2.999.055.000	2.939.205.000
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	11.557.128	58.173.762
Khác	29.302.709	10.765.681
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.137.605.969</b>	<b>5.474.213.879</b>

**13. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	457.644.894	802.587.673
Tăng trong năm	2.120.000.000	2.499.000.000
Sử dụng trong năm	(1.622.900.000)	(2.843.942.779)
Số cuối năm	954.744.894	457.644.894

**14. VAY NGẮN HẠN**

	VND			
	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng (*)	16.377.869.172	61.781.357.575	(43.206.739.907)	34.952.486.840

(\*) Công ty vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	34.952.486.840	Từ ngày 13 tháng 1 năm 2026 đến ngày 6 tháng 4 năm 2026	4,9 – 6,0	Một phần tài sản tại Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng, bao gồm máy móc, thiết bị tổ máy 1, tổ máy 2 và căn trực thượng lưu (Thuyết minh số 8)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng sửa chữa tài sản cố định	<u>1.625.375.600</u>	<u>2.186.940.523</u>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>			
Số đầu năm	450.000.000.000	161.802.727.790	611.802.727.790
Lợi nhuận thuần trong năm	-	76.193.497.889	76.193.497.889
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.860.000.000)	(1.860.000.000)
Trích quỹ thưởng	-	(639.000.000)	(639.000.000)
Ban quản lý điều hành	-	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
Cổ tức	-	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
Số cuối năm	<u>450.000.000.000</u>	<u>145.497.225.679</u>	<u>595.497.225.679</u>
<b>Năm nay</b>			
Số đầu năm	450.000.000.000	145.497.225.679	595.497.225.679
Lợi nhuận thuần trong năm	-	84.247.403.728	84.247.403.728
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.520.000.000)	(1.520.000.000)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành (*)	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Cổ tức (**)	-	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
Số cuối năm	<u>450.000.000.000</u>	<u>137.624.629.407</u>	<u>587.624.629.407</u>

(\*) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") Thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, các cổ đông của Công ty đã thông qua mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý điều hành với số tiền lần lượt là 1.520.000.000 VND và 600.000.000 VND.

(\*\*) Trong năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phiếu, tương đương 90.000.000.000 VND, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, Nghị quyết HĐQT số 05/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 5 năm 2025 và Nghị quyết HĐQT số 09/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 8 năm 2025.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**16.2 Chi tiết vốn cổ phần**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng Công ty IDICO - CTCP	23.299.000	51,78	23.299.000	51,78
Công ty TNHH Năng lượng REE	15.433.893	34,30	15.433.893	34,30
Các cổ đông khác	6.267.107	13,92	6.267.107	13,92
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.000.000</b>	<b>100</b>	<b>45.000.000</b>	<b>100</b>

**16.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**16.4 Các giao dịch về vốn với cổ đông và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	450.000.000.000	450.000.000.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	89.940.150.000	89.593.783.800



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**16.5 Lãi trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	84.247.403.728	76.193.497.889
Điều chỉnh giảm do trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	(3.127.422.112)	(2.120.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	81.119.981.616	74.073.497.889
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	45.000.000	45.000.000
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.803	1.646
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.803	1.646

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong năm 2024 để phản ánh khoản thực trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi thưởng Ban quản lý từ lợi nhuận sau thuế của năm 2025 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày lập báo cáo tài chính này.

**17. DOANH THU**

**17.1 Doanh thu thuần về bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	209.083.766.481	189.209.291.452
Doanh thu bán nước sạch	8.026.256.219	8.452.296.967
Doanh thu khai thác vườn cây cao su	885.818.182	677.409.091
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>217.995.840.882</b>	<b>198.338.997.510</b>

**17.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.861.154.881	972.608.964
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.289.660	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.863.444.541</b>	<b>972.608.964</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	91.781.025.382	85.641.858.490
Giá vốn bán nước sạch	4.702.838.601	5.787.063.137
Giá vốn khai thác vườn cây cao su	356.244.624	356.244.624
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>96.840.108.607</b>	<b>91.785.166.251</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	738.457.036	845.930.091
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.860.127
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>738.457.036</b>	<b>847.790.218</b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	8.237.004.649	8.917.805.547
Chi phí khấu hao	1.515.835.320	1.530.540.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	786.795.506	1.130.721.310
Chi phí khác	988.072.822	1.302.377.725
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.527.708.297</b>	<b>12.881.444.660</b>

**21. CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	6.721.167.439	-
Chi phí khác	48.361.255	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.769.528.694</b>	<b>-</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản thuế, phí	41.598.883.287	33.681.228.575
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 8 và 9)	32.088.076.311	32.108.016.175
Chi phí nhân viên	22.382.365.807	25.169.674.974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.383.425.260	3.839.647.795
Chi phí khác	8.915.066.239	9.868.043.392
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>108.367.816.904</b>	<b>104.666.610.911</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**23.1 Chi phí thuế TNDN**

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.021.511.170	18.741.691.787
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	227.991.695	(556.800.149)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.249.502.865</b>	<b>18.184.891.638</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>105.496.906.593</b>	<b>94.378.389.527</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	21.099.381.318	18.875.677.907
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	-	(840.000.000)
Chi phí không được trừ	150.121.547	149.213.731
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>21.249.502.865</b>	<b>18.184.891.638</b>

**23.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 23.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

			VND	
	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng phải trả	325.075.121	437.388.105	(112.312.984)	437.388.105
Chi phí trích trước	3.733.333	119.412.044	(115.678.711)	119.412.044
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>328.808.454</b>	<b>556.800.149</b>		
<b>(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</b>			<b>(227.991.695)</b>	<b>556.800.149</b>

## 24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ
Công ty TNHH Năng lượng REE	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên HĐQT không điều hành (đến ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Trương Thanh Bình	Thành viên HĐQT (từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Nguyễn Thanh Hoài	Thành viên HĐQT (đến ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Đoàn Hữu Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát (từ ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Trưởng Ban kiểm soát (đến ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Trương Thanh Bình	Giám đốc
Ông Bùi Hải Nam	Phó Giám đốc
Bà Vũ Thị Thúy	Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty IDICO - CTCP	Cổ tức công bố	46.598.000.000	46.598.000.000
	Cổ tức đã trả	46.598.000.000	46.598.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng REE	Cổ tức công bố	30.867.786.000	30.867.786.000
	Cổ tức đã trả	30.867.786.000	30.867.786.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các nhân viên quản lý khác:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị</b>	<b>848.000.000</b>	<b>858.000.000</b>
Ông Nguyễn Văn Thịnh	264.000.000	258.000.000
Ông Nguyễn Phong Danh	146.000.000	162.000.000
Ông Mai Đình Nhật	146.000.000	162.000.000
Ông Nguyễn Quốc Việt	146.000.000	91.200.000
Ông Trương Thanh Bình	105.600.000	-
Bà Trần Thùy Giang	40.400.000	162.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hoài	-	22.800.000
<b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>	<b>299.000.000</b>	<b>346.000.000</b>
Ông Đoàn Hữu Nghĩa	115.000.000	76.000.000
Ông Vũ Tuấn Anh	92.000.000	108.000.000
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	92.000.000	108.000.000
Ông Nguyễn Đăng Thanh	-	54.000.000
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng</b>	<b>2.206.289.164</b>	<b>2.291.363.639</b>
Ông Trương Thanh Bình	886.773.028	575.000.000
Ông Bùi Hải Nam	694.706.362	745.454.545
Bà Vũ Thị Thúy	624.809.774	670.909.093
Ông Nguyễn Thanh Hoài	-	300.000.001
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.353.289.164</b>	<b>3.495.363.639</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê dự kiến phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	397.063.065	58.451.409
Từ 1 đến 5 năm	1.985.315.325	292.257.045
Trên 5 năm	10.058.930.980	1.563.575.191
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.441.309.370</b>	<b>1.914.283.645</b>

## 26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Ngày 13 tháng 3 năm 2026

  
 \_\_\_\_\_  
 Trần Thị Mai  
Người lập

  
 \_\_\_\_\_  
 Vũ Thị Thúy  
Kế toán trưởng

  
 \_\_\_\_\_  
 Trương Thanh Bình  
Giám đốc

